

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung và mức thu phí

1. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Đối tượng nộp phí

Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3. Đối tượng miễn thu phí

Miễn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho các đối tượng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

4. Mức thu phí

a) Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m^3 nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, bằng với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

b) Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng thì mức phí được xác định theo từng người sử dụng nước bình quân $3\text{m}^3/\text{người}/\text{tháng}$ và giá bán 1m^3 nước sạch trung bình tại phường, thị trấn.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

a) Để lại 5% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch và 20% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Số tiền thu phí còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến bố trí sử dụng nguồn phí này trong phương án xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách hằng năm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khoá VII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh,
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo PY, Đài PT-THPY;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An